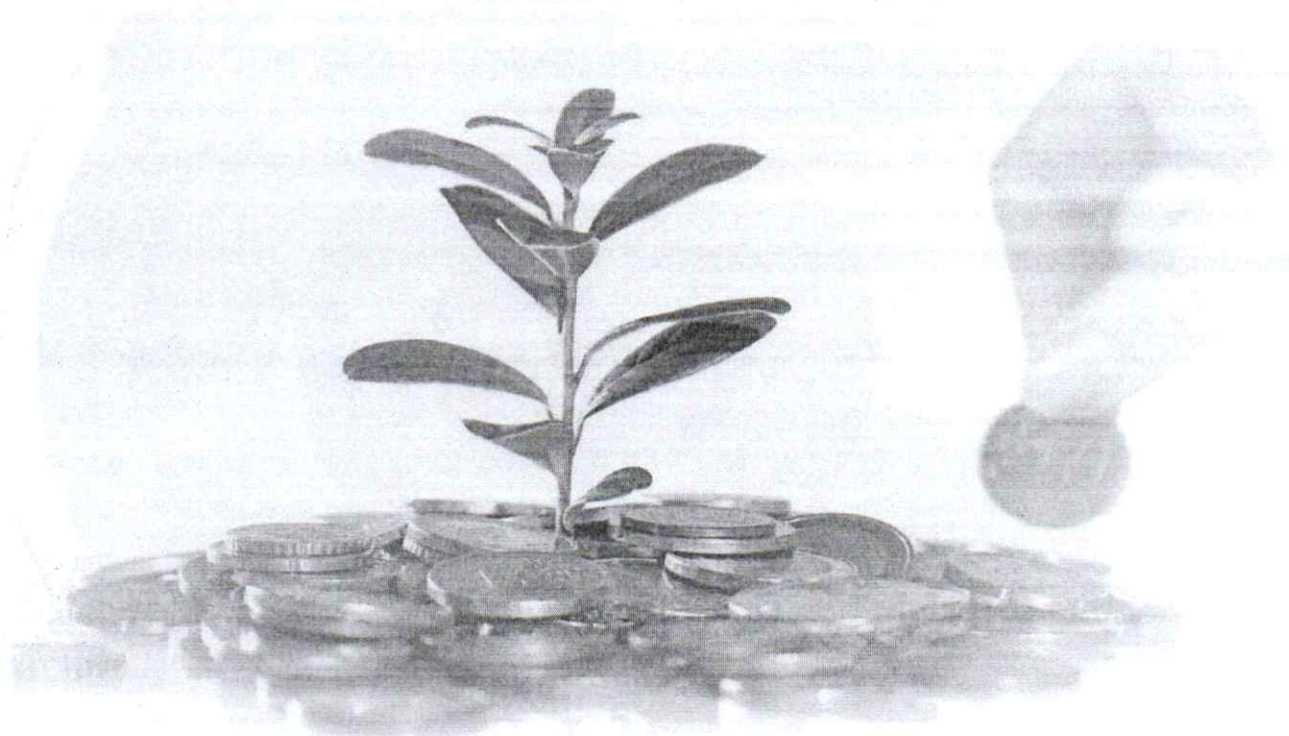


# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



*Tầm nhìn mới, Giá trị mới*

## I. Thông tin chung:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 118/GP-UBCK ngày 15/9/2014 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GPĐC-UBCK ngày 16/12/2021.
- Vốn điều lệ: 300,000,000,000 đồng ( Ba trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300,000,000,000 ( Ba trăm tỷ đồng)
- Địa chỉ:
  - *Trụ sở chính:* Tầng 3, số 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.  
Số điện thoại: 024 7108 8848
  - *Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:* Tầng 2, số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Số điện thoại: 028 7108 8848
- Website: <https://www.vise.com.vn>
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 09 năm 2014. Công ty được hợp nhất từ 02 Công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC). Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 686/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp trên cơ sở Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam cũ. Ngày 16/12/2021, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GPĐC-UBCK sau khi kết thúc đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - TỰ doanh chứng khoán;
  - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
  - *Trụ sở chính:* Tầng 3, số 59 Quang Trung, *Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:* Tầng 2, số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Số điện thoại: 028 7108 8848

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

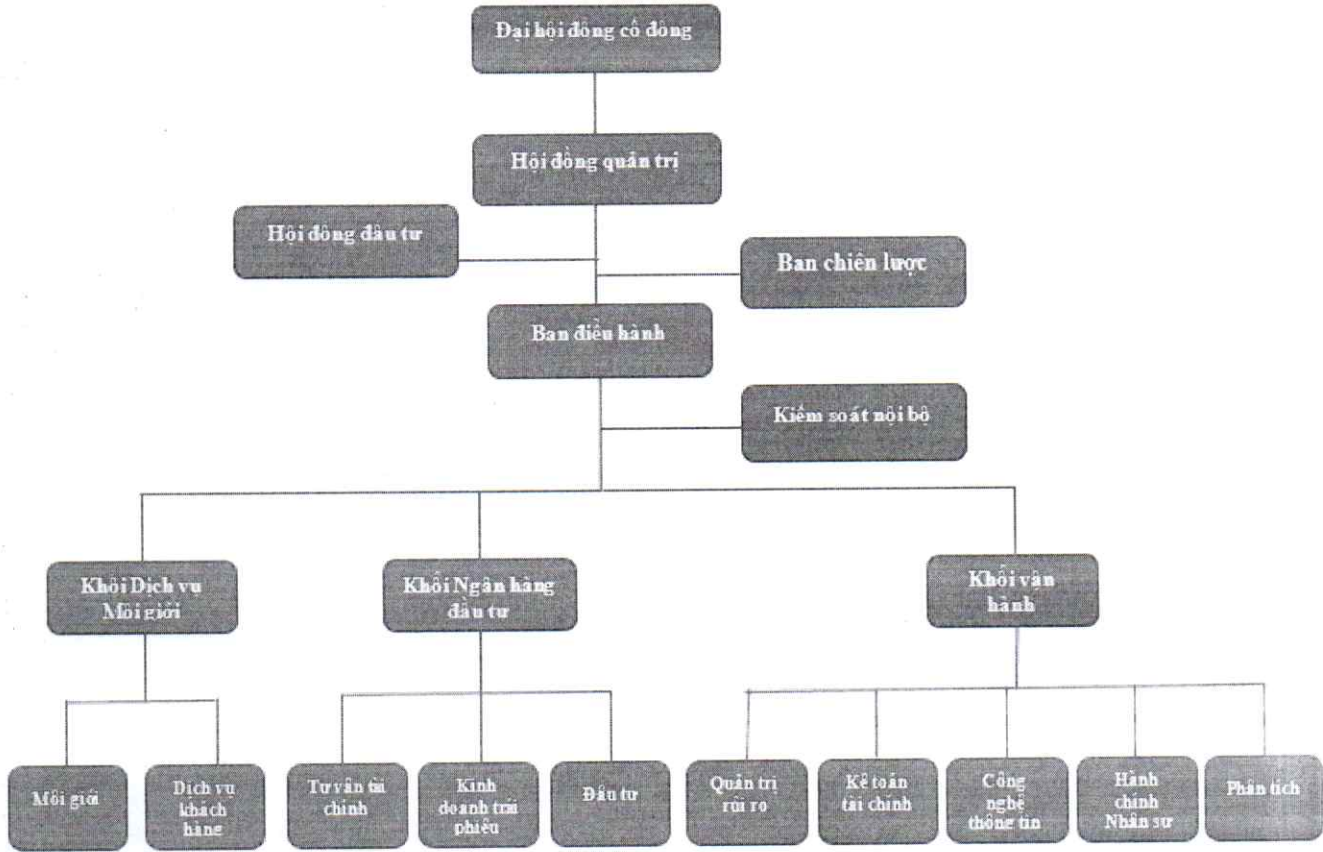
#### a) Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị doanh nghiệp của VIS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành

và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của VIS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ Tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành hệ thống quy chế Quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban, Chi nhánh.

**b) Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Cho đến ngày 31/12/2021 Công ty áp dụng mô hình tổ chức sau:



Chức năng và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành được quy định tại Điều lệ Công ty

**c) Các Công ty con, Công ty liên kết:**

Tại thời điểm 31/12/2021 VIS không có Công ty con và không có Công ty liên kết.

**4. Định hướng phát triển:**

**a) Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

**b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán, từng bước nâng



tầm vị thế trong hoạt động kinh doanh, VIS đã có những chiến lược trung và dài hạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

- **Nhân sự:** Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động cho toàn thể nhân sự của Công ty để có thể phát huy hết lợi thế của mình. Bên cạnh đó VIS luôn đề cao nền tảng đạo đức nghề nghiệp cho tất cả nhân sự của mình, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
- **Công nghệ:** Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và vận hành Công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, an toàn và ổn định.
- **Sản phẩm:** Không ngừng hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác. Luôn lấy sự hài lòng và lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ của pháp luật để đánh giá sự thành công của sản phẩm.
- **Tài chính:** Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng và về mục tiêu đầu tư kinh doanh của Công ty trong mọi tình huống.
- **Quản trị rủi ro:** Tăng cường năng lực quản trị rủi ro song song với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- **Quản trị chi phí:** Kiểm soát chi phí chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí không cần thiết.

**c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

VIS hoạt động kinh doanh trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty luôn ưu tiên phát triển bền vững trên cơ sở xây dựng các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp bao gồm tài sản, con người và văn hóa Công ty. Trong ngắn hạn, Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị minh bạch nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về minh bạch theo thông lệ tốt nhất. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư, nhân viên Công ty tin tưởng vào hoạt động, sự phát triển của Công ty. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hóa Công ty.

**5. Các rủi ro:**

**a) Rủi ro xảy ra do hoạt động của Công ty:**

Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro, lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, ví dụ: nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh... Để phòng tránh các rủi ro này, Công ty thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ; Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ; Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên; Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

**b) Rủi ro thanh toán:**

Xây ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi VIS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà



công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán. Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn; Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác; Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng; Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng; Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

**c) Rủi ro thanh khoản:**

Xây ra khi Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty đã dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của VIS; Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho VIS vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý; Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn Công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai; Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn; Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư; Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, VIS có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**d) Rủi ro pháp lý:**

Xây ra khi Công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiện tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành và bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát chặt chẽ, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện. Ngoài ra, VIS tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý; Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý; Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty; Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng; Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).

**II. Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Tình hình hoạt động kinh doanh:**

**a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	2020	2021
1	Tổng tài sản	214,976	432,981
2	Vốn chủ sở hữu	164,231	339,268
3	Vốn điều lệ	150,000	300,000
4	Tổng Doanh thu	35,885	84,774
5	Tổng Chi phí	25,557	54,278
6	Tổng LN trước thuế	10,328	30,496
7	LNST	7,158	25,037

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021)

❖ **Hoạt động môi giới:**

- **Về định hướng chiến lược:** Hoạt động môi giới và giao dịch của VIS kế thừa nền tảng về khách hàng, hỗ trợ tài chính, đồng thời tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ.
- **Về tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán:** Trong năm 2021, hoạt động giao dịch của VIS vẫn được duy trì ổn định. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên giao dịch có tư cách đạo đức tốt, luôn tuân thủ các nguyên tắc về giao dịch nên trong năm 2021 không có bất cứ một trường hợp nào làm sai quy định của Công ty về tiền và chứng khoán của khách hàng.
- **Công tác kiểm soát:** Công tác kiểm soát luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ lệnh đặt của khách hàng trên cơ sở kiểm tra, giám sát các quy trình thực hiện nghiệp vụ, soát lệnh trên hệ thống.
- **Công tác quản trị rủi ro:** Luôn bám sát và nắm bắt mọi biến động của thị trường, chủ động đưa ra các kịch bản và giải pháp xử lý rủi ro cho từng giai đoạn của thị trường, hỗ trợ và giúp hoạt động môi giới an toàn, ổn định. Kiểm soát các hoạt động hỗ trợ tài chính lành mạnh, an toàn.
- **Kết quả hoạt động:** Hoạt động môi giới là hoạt động mang lại doanh thu chủ yếu cho VIS trong năm 2021 khi đạt tới 40.87 tỷ đồng, tổng giá trị giao dịch của VIS trong năm 2021 xấp xỉ 28,365 tỷ đồng, tương đương giá trị giao dịch 114.37 tỷ đồng/ngày giao dịch, chiếm 0.21% thị phần môi giới của toàn thị trường.
- ❖ **Hoạt động hỗ trợ tài chính:** Doanh thu từ hoạt động hỗ trợ tài chính đạt 15,1 tỷ đồng, chiếm 17.81% tổng doanh thu của công ty trong năm 2021.
- ❖ **Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư:** Trong năm 2021, VIS tiếp tục tập trung vào các nghiệp vụ tư vấn M&A, tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các dịch vụ giá trị cao khác. Doanh thu ròng từ hoạt động tư vấn của toàn Công ty đã có những tiến bộ vượt bậc, đạt 14.11 tỷ đồng, tăng 81% so với năm 2020.

**b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Trong năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có phục hồi sau đợt giảm mạnh vào đầu năm do những lo ngại về đại dịch Covid-19 để kéo dài xu hướng tăng trưởng trong dài hạn. Tính chung cả năm 2021, VN-Index đã tăng gần 36% so với thời điểm cuối năm 2020 và lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới. Cụ thể, VN-Index tăng 12.31 điểm (0.83%) lên 1,498.28 điểm, HNX-Index tăng 12.34 điểm (2.67%) lên 473.99 điểm, UPCoM-Index



tăng 1.07 điểm (0.96%) đạt 112.63 điểm. Cùng với sự tăng trưởng về chỉ số, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh. Tính đến ngày 28/12, mức vốn hóa thị trường đạt 7,729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122.8% GDP. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 11 đạt 1,727 nghìn tỷ đồng, tăng 14.1% với cuối năm 2020 với 761 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán và 890 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Với điều kiện thuận lợi của thị trường chứng khoán trong năm 2021 và sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành cũng như sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2021 của Công ty đã có sự tăng trưởng tích cực, vượt kế hoạch đặt ra.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch năm
Tổng Doanh thu	57,773	84,774	147%
Tổng Chi phí	39,264	54,278	138%
LN trước thuế	18,509	30,496	165%
Vốn điều lệ	300,000	300,000	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

## 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và Kế toán trưởng: Ban điều hành và kế toán trưởng tại thời điểm 31/12/2021 gồm các thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	0	0
2	Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	0	0
3	Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Trần Văn Toàn	Giám đốc chi nhánh	0	0
5	Nguyễn Quỳnh Mai	Kế toán trưởng	0	0

- Thông tin về các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng của VIS như sau:

- **Ông Dương Kỳ Hiệp – Tổng Giám đốc.** Ông Hiệp có 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính và giữ các vị trí chủ chốt tại các Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín như Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc Khối Vận hành.
- **Ông Vĩnh Bảo Quốc – Phó Tổng Giám đốc thường trực.** Ông Vĩnh Bảo Quốc đã có hơn 10 năm làm việc trong ngành Tài chính, Chứng khoán. Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Giám đốc Giám sát – Phụ trách rủi ro tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín.
- **Ông Vũ Hoàng Minh – Phó Tổng Giám đốc.** Ông Vũ Hoàng Minh là Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, đã có

gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, đặc biệt là mảng Tư vấn Doanh nghiệp (tư vấn mua bán và sáp nhập Doanh nghiệp, tư vấn chiến lược, tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp...). Ông Vũ Hoàng Minh đã từng làm các vị trí quản lý tại Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam, Công ty Chứng khoán Ngân hàng ACB và tư vấn thành công nhiều dự án cho các doanh nghiệp lớn trong nước.

- **Ông Trần Văn Toàn – Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh.** Ông Trần Văn Toàn tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý đầu tư, phân tích, tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- **Bà Nguyễn Quỳnh Mai – Kế toán trưởng.** Bà Nguyễn Quỳnh Mai tốt nghiệp trường Đại học Thăng Long và đã có trên 10 năm kinh nghiệm làm nghiệp vụ kế toán. Tháng 05/2018, bà được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có sự thay đổi nào trong Ban điều hành của VIS trong năm 2021.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng cán bộ nhân viên tại thời điểm 01/01/2021 là 39 cán bộ nhân viên, tại thời điểm 31/12/2021 là 46 cán bộ nhân viên, trong đó có 19 nhân viên là nam giới, chiếm tỷ lệ 41.3%, 27 nhân viên là nữ giới, chiếm tỷ lệ 58.7%.
- Chính sách đối với người lao động:
  - Chính sách tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm:
    - + Về tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của Công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động, và phù hợp với quy định của pháp luật.
    - + Về phụ cấp và Bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
  - Chính sách đào tạo:

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên. Chẳng hạn như việc cung cấp nguồn kinh phí cho cán bộ nhân viên theo học các khóa học do UBCKNN, do các Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức.
  - Chế độ khen thưởng, phúc lợi:

Được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ mát, chế độ thưởng tại các dịp lễ, tết nhằm động viên khuyến khích người lao động.
  - Chế độ việc làm:

Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty đang nắm giữ 2 khoản đầu tư tài chính lớn:



STT	Tên chứng khoán	Số lượng (Trái phiếu)	Giá trị thị trường (VND)
1	Trái phiếu Công ty Cổ phần Phong Điện IA Pết Đak Đoa số Hai	500,000	51,761,500,000
2	Trái phiếu Công ty Cổ phần Tandoland	300,000	30,000,000,000

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021)

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	01/01/2021	31/12/2021	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	214,976	432,981	101%
2	Vốn chủ sở hữu	164,232	339,268	107%
3	Vốn điều lệ	150,000	300,000	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021)

##### b) Kết quả hoạt động

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng
1	Tổng Doanh thu	35,885	84,774	136%
2	Tổng Chi phí	25,557	54,278	112%
3	Tổng LN trước thuế	10,328	30,496	195%
4	Lợi nhuận sau thuế	7,158	25,037	250%
5	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2021)

##### c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3.08	3.98
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh	3.08	3.98
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>		
Nợ ngắn hạn		

<b>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	0.24	0.22
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.31	0.28
<b>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay tổng tài Sản	0.16	0.26
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		
<b>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	4.5%	12.32%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3.3%	5.8%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19.9%	29.5%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	30.1%	35.9%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 30,000,000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10,000 đồng
- Loại cổ phần đang lưu hành: 30,000,000 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27,605,553 cổ phần, chiếm 92.08%.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 2,394,447 cổ phần, chiếm 7.98%. Thời gian hạn chế chuyển nhượng từ 02/11/2021 đến 02/11/2022.

**b) Cơ cấu cổ đông:**

- Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	25,308,977	84.36%
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	3	2,783,759	9.28%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	85	1,907,264	6.36%
<b>Tổng cộng</b>		<b>89</b>	<b>30,000,000</b>	<b>100%</b>

- Cơ cấu cổ đông theo vị trí địa lý

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>		<b>29,870,000</b>	<b>99.57%</b>
	- Cá nhân	79	1,522,937	5.08%
	- Tổ chức	7	28,347,063	94.49%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>		<b>130,000</b>	<b>0.43%</b>



- Cá nhân	3	130,000	0.43%
- Tổ chức	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>89</b>	<b>30,000,000</b>	<b>100%</b>

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 49% vốn điều lệ.

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 VND)	Hình thức phát hành
1	15/09/2014		60,000,000	Thành lập Công ty
2	20/10/2016	90,000,000	150,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	02/11/2021	150,000,000	300,000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Không có

**e) Các chứng khoán khác:**

Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

**b) Chính sách liên quan đến người lao động:**

(xem Phần II mục 2)

**c) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Tích cực tham gia các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng cao và các vùng bị thiên tai do công đoàn địa phương tổ chức.
- Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng và có tố chất.
- Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, HNX, cơ quan thuế, BHXH, ...

**d) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

không phát sinh

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh

doanh trước đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	2021F	2021/2021F
Tổng Doanh thu	35,885	84,774	57,773	147%
Tổng Chi phí	25,557	54,278	39,264	138%
Tổng LN trước thuế	10,328	30,496	18,509	165%
LN sau thuế	7,158	25,037	-	-

Trong năm 2021, Công ty đã khắc phục được những thách thức, cản trở do dịch bệnh Covid-19, đảm bảo hoạt động xuyên suốt, tận dụng tốt điều kiện thuận lợi của TTCK để đạt kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra, đồng thời đẩy mạnh phát triển những giá trị cốt lõi của Công ty.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Nâng cấp toàn diện hệ thống giao dịch phục vụ lợi ích nhà đầu tư;
- Cải tiến các tiện ích và tính năng, đa dạng hóa công cụ giao dịch;
- Không ngừng thúc đẩy, tạo điều kiện để CBVN nâng cao trình độ, phát huy tối đa năng lực, đặc biệt là các bộ phận Môi giới và Tư vấn đầu tư, Dịch vụ Khách hàng.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty đạt 432.98 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2021, tăng 101 % so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản tài sản tài chính. Các khoản cho vay (GDKQ, ứng trước TBCK) tăng trưởng 115.2% so với cuối năm 2020, trong khi đó năng lực quản trị rủi ro và định lượng rủi ro của Công ty đã có nhiều cải thiện vượt trội, thể hiện qua chỉ số các khoản nợ phải thu quá hạn và nợ phải thu khó đòi không có phát sinh mới trong năm 2021.

### b) Tình hình nợ phải trả

Hiện tại, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, VIS chi phát sinh quan hệ tín dụng lớn với Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). Số dư nợ tại OCB vào thời điểm cuối năm 2021 là 50 tỷ đồng so với số dư nợ 7 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2020, thể hiện sự đẩy mạnh đầu tư phát triển kinh doanh của Công ty. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 đạt 339.26 tỷ đồng, chiếm 78.36%/Tổng nguồn vốn. Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào, bao gồm cả các khoản nợ thanh toán đến hạn với các cơ quan Nhà nước như: BHXH, BHYT, thuế, các Sở giao dịch chứng khoán và TTLKCK Việt nam... Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và bạn hàng trong quan hệ kinh doanh và hợp tác.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bắt đầu từ thời điểm năm 2018, Công ty đã thay đổi toàn diện cơ cấu tổ chức, chính sách kinh doanh và quản lý nhân sự, tập trung vào nâng cao vai trò và giá trị của bộ máy nhân sự kinh doanh. Tuyển dụng và đào tạo các thế hệ



kế cận nhân sự trẻ, tâm huyết và có trách nhiệm. Chính sách quản lý và kinh doanh của Công ty hướng tới các mục tiêu phát triển kinh doanh: ổn định, bền vững, an toàn và nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự, bao gồm và không giới hạn: Ban giám đốc, các vị trí quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự kinh doanh, Môi giới... Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư và phát triển các tiện ích, công cụ giao dịch trực tuyến nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, tăng lợi ích giao dịch cho nhà đầu tư và góp phần giảm thiểu các chi phí hoạt động liên quan.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Cùng với sự phát triển của công nghệ và TTCKVN, trong thời gian tới, Công ty định hướng mục tiêu phát triển theo các tiêu chí cốt lõi:

- Bổ sung nguồn vốn hoạt động từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm chủ động hơn nữa nguồn kinh doanh và đầu tư;
- Đạt thị phần môi giới và giao dịch khoảng 3%;
- Tập trung ứng dụng và phục vụ nhà đầu tư 100% thông qua kênh trực tuyến;
- Số hóa toàn bộ hoạt động quản lý, kinh doanh của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa các chi phí hoạt động;
- Tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ý thức và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự, đặc biệt đối với BLĐ, cán bộ quản lý và nhân sự trực tiếp kinh doanh nhằm tiếp cận các sản phẩm/dịch vụ mới trên thị trường theo định hướng phát triển của cơ quan quản lý Nhà nước, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và Công ty.

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính, Công ty luôn ý thức và nhận định việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động, khách hàng và cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm tiêu thụ điện năng thông qua việc định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống MMTB và thay thế ngay khi cần thiết. Qua đó cũng góp phần giúp Công ty tiết giảm chi phí tiêu thụ điện hàng tháng (trung bình tiết kiệm được khoảng 30% tiền điện hàng tháng).

Đối với quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, Công ty cũng luôn chú trọng thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT, BHTN và có những chính sách về phúc lợi dành cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động. Công ty luôn xác định “Con người là chủ thể của mọi hoạt động kinh doanh - Nhân lực là nền tảng của sự phát triển”, do đó, Công ty xây dựng các chính sách về lương, thưởng phù hợp với thực tiễn kinh doanh theo xu hướng tăng dần qua từng thời kỳ, quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBNV thông qua việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cho CBNV hàng năm. Qua đó, góp phần tạo sự đoàn kết, gắn bó của đội ngũ nhân sự, đồng lòng, chung sức vì mục tiêu chung của Công ty và của cộng đồng ngành Chứng khoán.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

#### **1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty năm 2021:**

Trong năm 2021, bất chấp đại dịch Covid-19 TTCK Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ cả về điểm số lẫn thanh khoản. Tận dụng điều kiện thuận lợi của thị trường, HĐQT đã chỉ đạo sát sao các hoạt động của Công ty. Toàn thể Ban điều hành cũng như CBNV đã cố gắng nỗ lực mang lại kết quả hoạt động kinh doanh vượt kế hoạch đặt ra trong năm 2021:

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ỨNG DỤNG  
QUỐC  
VIỆT  
PUN

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch năm
Tổng Doanh thu	57,773	84,774	147%
Tổng Chi phí	39,264	54,278	138%
Lợi nhuận trước thuế	18,509	30,496	165%
Vốn điều lệ	300,000	300,000	100%

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, tuân thủ đúng quy định pháp luật;
- Ban TGDĐ đã tiếp nhận chỉ đạo và có những biện pháp triển khai nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp và báo cáo bằng văn bản định kỳ;
- Hoạt động Môi giới và Dịch vụ tài chính được ưu tiên phát triển theo hướng bền vững, quản trị được rủi ro, đảm bảo duy trì thị phần giao dịch;
- Hoạt động Ngân hàng đầu tư dần đi vào ổn định, có sự tăng trưởng tích cực về cả doanh thu và lợi nhuận, tạo nền móng cho sự phát triển trong tương lai;
- Ban TGDĐ tiếp tục xây dựng và ban hành hệ thống văn bản pháp quy, quy chế, quy trình, quy định, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh diễn ra đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. **Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022:**

Với mục tiêu phát triển VIS trở thành Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ chứng khoán chuyên biệt cho khách hàng cá nhân và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh của thị trường, năm 2022 HĐQT tập trung triển khai các hoạt động sau:

- Triển khai chiến lược phát triển đến năm 2022, với mục tiêu duy trì thị phần ổn định tối thiểu 1%, đưa ROE tối thiểu 20% vào năm 2022 trên nền tảng đảm bảo an toàn và kiểm soát rủi ro;
- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022, với mục tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 140 tỷ đồng;
- Tiếp tục tái cấu trúc và cải tổ toàn bộ hoạt động VIS ở các mảng trọng điểm:
  - Tô chức lại mô hình kinh doanh của VIS, trong đó tập trung phát triển hoạt động dịch vụ môi giới chuyên biệt, mở rộng kênh bán hàng, phát triển các sản phẩm và tiện ích mới nhằm đa dạng hóa các dịch vụ tài chính.
  - Công tác quản trị rủi ro: rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mặt hoạt động của Công ty.
  - Công tác nhân sự: tập trung tuyển dụng, đào tạo nhân sự tốt bổ sung cho các mảng hoạt động kinh doanh còn thiếu, đồng thời rà soát lại chính sách đãi ngộ để tạo động lực giữ người và phát triển.



- Thực hiện số hóa trong quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, tăng năng suất lao động của CBNV.

## V. Quản trị Công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT Công ty đến thời điểm 31/12/2021 gồm có:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch	0	0
2	Nguyễn Thanh Tuyền	Phó chủ tịch thường trực	0	0
3	Cao Quế Lâm	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0
4	Nguyễn Thanh Thùy	Thành viên HĐQT không điều hành	249,160	0.83%
5	Võ Quang Long	Thành viên	0	0

#### b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp, đồng thời cũng đưa ra những quyết định nhanh chóng, kịp thời về chiến lược, định hướng hoạt động của VIS.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/VIS/NQ-HĐQT	04/01/2021	Thông qua nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
2	02/2021/VIS/NQ-HĐQT	04/02/2021	Thông qua nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
3	03/2021/VIS/NQ-HĐQT	22/02/2021	Thông qua nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
4	04/2021/VIS/NQ-HĐQT	22/03/2021	Thông qua nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
5	05/2021/VIS/NQ-HĐQT	12/07/2021	Thông qua Hồ sơ Đăng ký chào bán cổ phiếu để tăng vốn, phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài và một số nội dung liên quan.	100%
6	09/2021/VIS/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đặt mua hết của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021	100%
7	14/2021/VIS/NQ-HĐQT	11/11/2021	Thông qua việc thành lập Hội đồng đầu tư	100%
8	15/2021/VIS/NQ-HĐQT	22/12/2021	Thông qua giao dịch với bên liên quan là Cổ đông lớn	100%
9	05/2021/VIS/QĐ-HĐQT	11/11/2021	Quyết định thành lập Ban chiến lược	100%

**c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia và đóng góp ý kiến tại của mình tại các cuộc họp của HĐQT mà thành viên tham dự.

**d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:**

Không có.

**2. Ban kiểm soát:**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Ông Đào Duy Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
2	Ông Trần Bình Ôn	Thành viên BKS	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	0	0

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật:

- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông báo trong các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các phiên họp định kỳ và bất thường, trao đổi việc giám sát hoạt động quản trị điều hành của Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra giám sát tuân thủ, giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban điều hành:**

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
- + Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đã tạm ứng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 là: 444.000.000 đồng.
- + Chi phí khác cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021: không phát sinh.
- + Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và chi phí khác đã tạm ứng năm 2021 là: 444.000.000 đồng.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán:**



“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: *Phụ lục đính kèm*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM







**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hà Nội, tháng 02 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 34



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Ủy viên
Ông Võ Quang Long	Ủy viên
Ông Cao Quế Lâm	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực

### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

---

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



**Dương Kỳ Hiệp**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022*



Số: 18 /2022/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 28/02/2022 và được trình bày từ trang 06 đến trang 34 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



**Nguyễn Thương**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**Tạ Thị Thắm**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3676-2021-055-1





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - CTCK**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>371.124.388.899</b>	<b>154.692.236.297</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>363.970.604.068</b>	<b>141.126.160.672</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		4.453.029.210	7.967.221.474
1.1. Tiền	111.1	5	4.453.029.210	7.967.221.474
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	90.788.873.630	9.027.373.630
3. Các khoản cho vay	114	7.2	240.030.954.679	111.537.456.876
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3	(3.075.284.188)	(20.777.181.233)
5. Các khoản phải thu	117	10	31.596.219.187	31.523.832.923
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		30.832.143.080	31.126.250.410
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		764.076.107	397.582.513
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		764.076.107	397.582.513
6. Trả trước cho người bán	118		136.816.330	136.816.330
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		1.208.020.293	410.551.114
8. Các khoản phải thu khác	122		1.306.616.654	8.682.986.082
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(2.474.641.727)	(7.382.896.524)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>7.153.784.831</b>	<b>13.566.075.625</b>
1. Tạm ứng	131		6.507.565.138	13.110.914.516
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	646.219.693	455.161.109
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>61.857.046.414</b>	<b>60.284.230.984</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.600.000.000</b>	<b>51.600.000.000</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	211	12	50.700.000.000	50.700.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.652.678.793</b>	<b>3.852.703.842</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.035.631.948	1.988.365.533
- Nguyên giá	222		29.077.432.546	29.060.925.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(26.041.800.598)	(27.072.560.109)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.617.046.845	1.864.338.309
- Nguyên giá	228		15.704.892.732	15.583.292.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(14.087.845.887)	(13.718.954.423)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>5.604.367.621</b>	<b>4.831.527.142</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		489.481.281	490.231.281
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	11	970.849.705	682.291.231
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	15	4.144.036.635	3.659.004.630
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>432.981.435.313</b>	<b>214.976.467.281</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - CTCK**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.712.972.776</b>	<b>50.744.964.628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.161.846.194</b>	<b>50.193.838.046</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	17	50.000.000.000	7.000.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	100.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	16	23.693.508.691	16.418.622.782
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		391.500.000	435.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	6.587.015.847	17.751.321.067
6. Phải trả người lao động	323		2.605.687.185	1.437.703.740
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		93.182.842	103.980.003
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	2.066.860.182	1.005.472.504
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		418.461.396	430.461.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	20	7.184.044.475	5.437.190.978
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		121.585.576	173.485.576
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>551.126.582</b>	<b>551.126.582</b>
1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		551.126.582	551.126.582
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>339.268.462.537</b>	<b>164.231.502.653</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	23	<b>339.268.462.537</b>	<b>164.231.502.653</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	150.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	150.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		850.028.064	492.113.576
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		871.971.766	514.057.278
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		32.428.801.167	8.107.670.259
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		32.432.027.303	9.814.355.396
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(3.226.136)	(1.706.685.137)
<b>TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>432.981.435.313</b>	<b>214.976.467.281</b>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		30.000.000	15.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	24.2	1.634.740.000	1.633.130.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		1.380.000	1.420.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24.3	82.692.690.000	2.692.400.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24.4	3.651.977.870.000	3.244.933.050.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.657.433.020.000	1.356.973.710.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		15.899.510.000	4.155.170.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.922.945.710.000	1.859.514.440.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		35.970.000	35.970.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		55.663.660.000	24.253.760.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24.5	18.368.810.000	48.377.760.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		11.268.810.000	22.269.370.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.100.000.000	7.100.000.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	19.008.390.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026		255.791.697.972	112.493.044.160
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	24.6	134.953.102.322	71.047.684.960
3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	24.6	120.640.489.300	41.398.951.700
3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		198.106.350	46.407.500
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		255.593.591.622	112.446.636.660
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	24.7	253.442.839.818	110.886.433.278
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	24.7	2.150.751.804	1.560.203.382
5. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		198.106.350	46.407.500

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B02 - CTCK**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		1.935.227.825	3.036.255.850
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	25	1.758.500.000	2.858.784.330
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		176.727.825	177.471.520
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		15.101.725.969	5.194.556.254
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6		40.876.072.410	9.265.691.302
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9		5.457.860.250	4.375.041.315
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		14.111.039.999	7.779.090.908
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		6.433.514.668	5.713.566.345
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>83.915.441.121</b>	<b>35.364.201.974</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(1.703.459.001)	(448.724.821)
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	1.232.665
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	26	(1.703.459.001)	(449.957.486)
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(1.902.620.857)	159.849.984
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	27	27.449.151.855	7.103.136.140
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	27	1.379.174.828	1.219.666.825
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	27	8.203.998.354	1.403.531.475
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32	27	2.599.886.036	1.819.727.854
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>36.026.131.215</b>	<b>11.257.187.457</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		121.780.540	71.133.560
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		729.581.782	448.635.747
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>851.362.322</b>	<b>519.769.307</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		413.984.210	85.959.030
4.2. Chi phí lãi vay	52		2.554.116.585	2.407.948.131
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>2.968.100.795</b>	<b>2.493.907.161</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>28</b>	<b>14.303.918.973</b>	<b>11.335.223.116</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>31.468.652.460</b>	<b>10.797.653.547</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B02 - CTCK**  
Đơn vị tính: VND

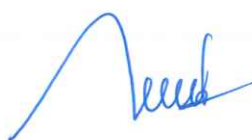
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71		6.869.332	1.485.695
8.2. Chi phí khác	72		979.419.700	471.127.609
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(972.550.368)</b>	<b>(469.641.914)</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>30.496.102.092</b>	<b>10.328.011.633</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		28.792.643.091	9.878.054.147
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1.703.459.001	449.957.486
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>5.459.142.208</b>	<b>3.169.721.870</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	5.459.142.208	3.169.721.870
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>200</b>		<b>25.036.959.884</b>	<b>7.158.289.763</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	30	1.419	477

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Quỳnh Mai

Đương Kỳ Hiệp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B03a - CTCK**  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(14.814.758.042.647)	(2.749.217.842.915)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	14.654.098.377.555	2.742.170.966.688
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(239.286.956)	-
4. Cổ tức đã nhận	04	176.727.825	177.471.520
5. Tiền lãi đã thu	05	15.165.110.245	5.535.539.097
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(2.468.625.326)	(2.459.656.245)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(10.803.989.337)	(7.402.719.690)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(10.269.489.335)	(5.950.624.295)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(47.805.790.901)	(26.390.234.413)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	2.745.758.689.074	691.575.840.876
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(2.723.791.975.325)	(658.733.854.028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(194.938.295.128)</b>	<b>(10.695.113.405)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(1.578.133.500)	(160.590.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	2.236.364	181.818
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.575.897.136)</b>	<b>(160.409.091)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.000.000.000	-
2. Tiền vay gốc	33	180.200.000.000	74.745.000.000
2.1. Tiền vay khác	33.2	180.200.000.000	74.745.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(137.200.000.000)	(107.029.452.712)
3.1. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	(137.200.000.000)	(107.029.452.712)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>193.000.000.000</b>	<b>(32.284.452.712)</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.514.192.264)</b>	<b>(43.139.975.208)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.967.221.474</b>	<b>51.107.196.682</b>
Tiền	61	7.967.221.474	51.107.196.682
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.453.029.210</b>	<b>7.967.221.474</b>
Tiền	71	4.453.029.210	7.967.221.474



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	14.510.892.166.800	2.604.150.768.770
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(22.871.188.626.000)	(4.544.759.460.863)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	8.503.443.414.162	2.008.549.139.169
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	116.706.076.003	124.948.473.575
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(116.554.377.153)	(124.902.066.075)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>	<b>143.298.653.812</b>	<b>67.986.854.576</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	112.493.044.160	44.506.189.584
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	71.047.684.960	29.171.434.984
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	41.398.951.700	15.334.754.600
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	46.407.500	-
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>40</b>	<b>255.791.697.972</b>	<b>112.493.044.160</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	255.791.697.972	112.493.044.160
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	134.953.102.322	71.047.684.960
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	120.640.489.300	41.398.951.700
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	198.106.350	46.407.500

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B04 - CTCK**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2020	Tại 01/01/2021	Năm 2020	Năm 2021	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	377.273.141	492.113.576	114.840.435	357.914.488	-	850.028.064
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	399.216.843	514.057.278	114.840.435	357.914.488	-	871.971.766
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	-	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	1.293.901.801	7.158.289.763	344.521.305	25.036.959.884	715.828.976	32.428.801.167
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	3.450.544.424	6.708.332.277	344.521.305	23.333.500.883	715.828.976	32.432.027.303
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.156.642.623)	(1.706.685.137)	449.957.486	1.703.459.001	-	(3.226.136)
<b>Tổng cộng</b>	<b>157.188.053.325</b>	<b>164.231.502.653</b>	<b>7.387.970.633</b>	<b>175.752.788.860</b>	<b>715.828.976</b>	<b>339.268.462.537</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp



**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 16/12/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

**Địa chỉ liên hệ của Công ty:**

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 2 - Số 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều lệ của Công ty:** được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 3 ngày 07/03/2018.

**Đặc điểm hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ và tự doanh chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán**

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210.

**Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

#### **Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

#### **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

#### **Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý**

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

#### **Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

#### **Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

#### **Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

#### **Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**Doanh thu hoạt động**

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

**Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính**

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

**Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

**Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng**

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (Nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;*
- *Và thu nhập từ một số hoạt động khác.*

### **Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ tài chính khác;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 31.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	259.746	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	4.452.769.464	7.966.961.728
<b>Cộng</b>	<b><u>4.453.029.210</u></b>	<b><u>7.967.221.474</u></b>

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm</u>
	Cổ phiếu	VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>		
- Trái phiếu	38.657.358	5.343.745.547.526
<b>Của nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	1.153.900.087	28.179.282.488.900
- Trái phiếu	1.680.000	168.000.000.000
- Chứng khoán khác	5.420.500	17.762.671.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>4.405.612.902</b>	<b>4.869.733.850</b>	<b>4.405.884.056</b>	<b>2.724.265.720</b>
TNB	3.293.628.000	3.572.640.000	3.293.628.000	1.984.800.000
HMS	1.091.700.000	1.236.808.000	1.091.700.000	700.080.000
Khác	20.284.902	60.285.850	20.556.056	39.385.720
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>4.621.160.728</b>	<b>4.621.160.728</b>	<b>4.620.889.574</b>	<b>4.620.889.574</b>
Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150.000	119.150.000	119.150.000	119.150.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Khác	2.010.728	2.010.728	1.739.574	1.739.574
<b>Trái phiếu</b>	<b>81.762.100.000</b>	<b>81.762.100.000</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>
DBC	600.000	600.000	600.000	600.000
Công ty Cổ phần Phong Điện IA Pét Đak Đoa số Hai	51.761.500.000	51.761.500.000	-	-
Công ty Cổ Phần Tandoland	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>90.788.873.630</b>	<b>91.252.994.578</b>	<b>9.027.373.630</b>	<b>7.345.755.294</b>

(\*) Một số cổ phiếu niêm yết Công ty đang nắm giữ hiện được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (Xem thêm tại Thuyết minh số 17).

**7.2. Các khoản phải thu và cho vay**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay margin	197.541.275.961	196.306.973.329	84.335.937.283	83.101.634.651
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	40.447.476.976	40.447.476.976	8.569.108.807	8.569.108.807
Cho vay tài sản tài chính khác	2.042.201.742	204.446.322	18.632.410.786	796.217.322
<b>Cộng</b>	<b>240.030.954.679</b>	<b>236.958.896.627</b>	<b>111.537.456.876</b>	<b>92.466.960.780</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - CTCK

**7.3. Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối năm**

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng năm trước	Giá trị lập dự phòng năm nay	Mức trích lập hoặc hoàn nhập/xóa nợ năm nay
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay			
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>I</b>	<b>FVTPL</b>	<b>1.232.827</b>	<b>90.788.873.630</b>	<b>91.252.994.578</b>	<b>3.226.136</b>	<b>1.706.685.137</b>	<b>(1.703.459.001)</b>	
	Cổ phiếu niêm yết							
	TNB	132.320	3.293.628.000	3.572.640.000	-	1.308.828.000	(1.308.828.000)	
	HMS	29.170	1.091.700.000	1.236.808.000	-	391.620.000	(391.620.000)	
	Khác	1.984	20.284.902	60.285.850	3.226.136	6.237.137	(3.011.001)	
	Cổ phiếu chưa niêm yết							
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150	119.150.000	119.150.000	-	-	-	
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	150.000	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-	-	
	Khác	197	2.010.728	2.010.728	-	-	-	
	<b>Trái phiếu</b>	<b>800.006</b>	<b>81.762.100.000</b>	<b>81.762.100.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	DBC	6	600.000	600.000	-	-	-	
	Công ty Cổ phần Phong Điện IA Pét Đak Đoa số Hai	500.000	51.761.500.000	51.761.500.000	-	-	-	
	Công ty Cổ Phần Tandoland	300.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	
<b>II</b>	<b>TSTC cho vay</b>		<b>240.030.954.679</b>	<b>236.958.896.627</b>	<b>3.072.058.052</b>	<b>19.070.496.096</b>	<b>(15.998.438.044)</b>	
	<b>Cộng</b>		<b>330.819.828.309</b>	<b>328.211.891.205</b>	<b>3.075.284.188</b>	<b>20.777.181.233</b>	<b>(17.701.897.045)</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - CTCK

**8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2021	Số dự phòng đầu năm		Số trích lập trong năm		Số hoàn nhập/ xóa nợ trong năm		Số dự phòng cuối năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>										
Bà Nguyễn Thị Hà Phương	> 3 năm	-	3.385.810.294	-	-	3.385.810.294	-	-	-	-
Ông Đặng Vũ Thành	> 3 năm	-	3.722.325.349	-	-	3.722.325.349	-	-	-	-
Bà Kiều Hồng Hỷ	6 tháng - 1 năm	3.661.466.000	-	-	1.098.439.800	-	-	-	1.098.439.800	-
Bà Phan Thị Giang	6 tháng - 1 năm	4.320.033.000	-	-	1.296.009.900	-	-	-	1.296.009.900	-
Các đối tượng khác	> 3 năm	-	192.030.314	-	-	192.030.314	-	-	-	-
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>										
Các đối tượng khác	> 3 năm	80.223.527	82.730.567	-	-	2.538.540	-	-	80.192.027	-
<b>Cộng</b>		<b>8.061.722.527</b>	<b>7.382.896.524</b>	<b>2.394.449.700</b>	<b>7.302.704.497</b>	<b>2.474.641.727</b>				

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Các tài sản tài chính FVTPL	3.226.136	1.706.685.137
- Cổ phiếu	3.226.136	1.706.685.137
Các khoản cho vay	3.072.058.052	19.070.496.096
<b>Cộng</b>	<b><u>3.075.284.188</u></b>	<b><u>20.777.181.233</u></b>

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	<b>30.832.143.080</b>	<b>31.126.250.410</b>
- Tổng công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Dầu khí (PVD) (*)	22.850.644.080	23.144.751.410
- Bà Phan Thị Giang	4.320.033.000	4.320.033.000
- Bà Kiều Hồng Hỷ	3.661.466.000	3.661.466.000
<b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</b>	<b>764.076.107</b>	<b>397.582.513</b>
- Dự thu lãi cho vay Margin	764.076.107	397.582.513
<b>Cộng</b>	<b><u>31.596.219.187</u></b>	<b><u>31.523.832.923</u></b>

(\*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Tại ngày 31/12/2021, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 22.850.644.080 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 16). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho VIS.

Theo biên bản làm việc ngày 11/09/2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết trong hợp đồng đúng hạn. Do đó, PVD vẫn ghi nhận và tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

Trong kỳ, CC1 gửi công văn số 414/TCT-ĐT về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower năm 2006 giữa CC1 và VIS. Theo công văn nêu trên, CC1 sẽ ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng đến hết vòng đời dự án với PVD đối với phần diện tích đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi VIS hoàn tất thanh toán công nợ với CC1, theo đó, PVD sẽ được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê lại ... đối với phần diện tích nêu trên mà không lệ thuộc vào việc cấp Giấy chứng nhận. VIS và PVD đã có văn bản gửi CC1 yêu cầu CC1 xác minh lại số dư công nợ và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan theo đúng cam kết và trách nhiệm của các bên. Đến thời điểm hiện tại VIS đang tiếp tục làm việc với PVD và CC1 để giải quyết vấn đề nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>646.219.693</b>	<b>455.161.109</b>
Tiền thuê văn phòng	72.133.463	75.867.942
Chi phí bảo trì phần mềm	383.500.000	339.500.000
Các khoản khác	190.586.230	39.793.167
<b>Dài hạn</b>	<b>970.849.705</b>	<b>682.291.231</b>
Công cụ dụng cụ	539.529.194	364.935.452
Các khoản khác	431.320.511	317.355.779
<b>Cộng</b>	<b><u>1.617.069.398</u></b>	<b><u>1.137.452.340</u></b>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

Là khoản tiền 50.700.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và các phụ lục hợp đồng về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công (đến năm 2021) và đã được các bên ký thỏa thuận gia hạn đến tháng 11/2024.

**13. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>27.325.265.662</b>	<b>1.735.659.980</b>	<b>29.060.925.642</b>
Mua trong năm	1.456.533.500	-	1.456.533.500
Thanh lý, nhượng bán	(1.440.026.596)	-	(1.440.026.596)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b><u>27.341.772.566</u></b>	<b><u>1.735.659.980</u></b>	<b><u>29.077.432.546</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>25.336.900.129</b>	<b>1.735.659.980</b>	<b>27.072.560.109</b>
Khấu hao trong năm	409.267.085	-	409.267.085
Thanh lý, nhượng bán	(1.440.026.596)	-	(1.440.026.596)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b><u>24.306.140.618</u></b>	<b><u>1.735.659.980</u></b>	<b><u>26.041.800.598</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b><u>1.988.365.533</u></b>	<b>-</b>	<b><u>1.988.365.533</u></b>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b><u>3.035.631.948</u></b>	<b>-</b>	<b><u>3.035.631.948</u></b>
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	<i>22.093.055.459</i>	<i>1.735.659.980</i>	<i>23.828.715.439</i>
<i>Nguyên giá TSCĐ không sử dụng</i>	<i>517.666.080</i>	<i>-</i>	<i>517.666.080</i>
<i>Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý</i>	<i>478.394.490</i>	<i>-</i>	<i>478.394.490</i>

14. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2021	15.583.292.732	15.583.292.732
Mua trong năm	121.600.000	121.600.000
Tại ngày 31/12/2021	<u>15.704.892.732</u>	<u>15.704.892.732</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2021	13.718.954.423	13.718.954.423
Khấu hao trong năm	368.891.464	368.891.464
Tại ngày 31/12/2021	<u>14.087.845.887</u>	<u>14.087.845.887</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2021	<u>1.864.338.309</u>	<u>1.864.338.309</u>
Tại ngày 31/12/2021	<u>1.617.046.845</u>	<u>1.617.046.845</u>
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	12.218.380.882	12.218.380.882

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	3.576.796.472	3.337.509.516
Tiền lãi đã phân bổ	447.240.163	201.495.114
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>4.144.036.635</u>	<u>3.659.004.630</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng công ty Xây dựng số 1 (*)	16.418.319.982	16.418.319.982
Công ty Cổ phần Năng Lượng Tái Tạo HVE	6.043.020.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt (bên liên quan)	1.200.000.000	-
Phải trả nhà cung cấp khác	32.168.709	302.800
<b>Cộng</b>	<u>23.693.508.691</u>	<u>16.418.622.782</u>

(\*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2021	Vay trong năm	Trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (*)	7.000.000.000	159.600.000.000	116.600.000.000	50.000.000.000
Vay cá nhân	-	20.600.000.000	20.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>180.200.000.000</b>	<b>137.200.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0247/2021/HĐTD-OCB-DN ngày 26/08/2021. Hạn mức cho vay tối đa 100 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay để bổ sung/bù đắp vốn lưu động kinh doanh tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến chứng khoán phù hợp quy định pháp luật. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm 3.546.553 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt; các cổ phiếu hiện Công ty đang nắm giữ bao gồm 132.320 cổ phiếu TNB, 29.170 cổ phiếu HIMS và 550.000 cổ phiếu VSA thuộc sở hữu của ông Cao Quế Lâm cùng 500.000 cổ phiếu BSL của Công ty cổ phần Thực phẩm Xanh (bên thứ ba).

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	263.148.397	1.078.659.258	1.293.093.169	48.714.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	878.436.596	5.459.142.208	5.669.218.404	668.360.400
Thuế thu nhập cá nhân	16.609.736.074	30.099.684.215	40.839.479.328	5.869.940.961
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.751.321.067</b>	<b>36.641.485.681</b>	<b>47.805.790.901</b>	<b>6.587.015.847</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	94.931.507	9.320.548
Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán	1.049.614.750	301.670.838
Chi phí phải trả Freewill	45.840.000	367.447.020
Các khoản khác	876.473.925	327.034.098
<b>Cộng</b>	<b><u>2.066.860.182</u></b>	<b><u>1.005.472.504</u></b>

**20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Phí môi giới cộng tác viên	2.355.343.318	773.019.170
Các khoản khác	3.278.701.157	3.114.171.808
<b>Cộng</b>	<b><u>7.184.044.475</u></b>	<b><u>5.437.190.978</u></b>

**21. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	203.640.365	58.910.825
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	230.286.306	204.923.223
Các khoản phải trả khác	774.093.622	146.717.066
<b>Cộng</b>	<b><u>1.208.020.293</u></b>	<b><u>410.551.114</u></b>

**22. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải trả gốc margin	197.541.275.961	84.335.937.283
Phải trả lãi margin	-	-
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	40.447.476.976	8.569.108.807
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	40.447.476.976	8.569.108.807
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-
Phải trả các khoản khác	2.042.201.742	18.632.410.786
<b>Cộng</b>	<b><u>240.030.954.679</u></b>	<b><u>111.537.456.876</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>377.273.141</b>	<b>399.216.843</b>	<b>5.117.661.540</b>	<b>1.293.901.801</b>	<b>157.188.053.325</b>					
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	7.158.289.763					7.158.289.763
Phân phối lợi nhuận	-	114.840.435	114.840.435	-	(344.521.305)	(114.840.435)					
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>492.113.576</b>	<b>514.057.278</b>	<b>5.117.661.540</b>	<b>8.107.670.259</b>	<b>164.231.502.653</b>					
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	25.036.959.884					25.036.959.884
Phân phối lợi nhuận (**)	-	357.914.488	357.914.488	-	(715.828.976)	-					
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>850.028.064</b>	<b>871.971.766</b>	<b>5.117.661.540</b>	<b>32.428.801.167</b>	<b>339.268.462.537</b>					

(\*) Trong năm, Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 thông qua phương án tăng vốn lên 300.000.000.000 đồng bằng phương thức phát hành cho cổ đông hiện hữu.

(\*\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021, chi tiết như sau: Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 357.914.488 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 357.914.488 đồng.

**Chi tiết vốn chủ sở hữu:**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	253.089.770.000	84,36%	90.000.000.000	60,00%
Ông Cao Quế Lâm	-	-	15.659.780.000	10,44%
Các cổ đông khác	46.910.230.000	15,64%	44.340.220.000	29,56%
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 24. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

### 24.1. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Hà Phương	3.385.810.294	-
Ông Đặng Vũ Thành	3.722.325.349	-
Bà Nguyễn Ngọc Phương Trâm	3.882.935.896	-
Bà Võ Thị Quỳnh Anh	5.825.588.872	-
Một số khách hàng khác	2.187.411.573	-
<b>Cộng</b>	<b>19.004.071.984</b>	<b>-</b>

### 24.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.634.740.000	1.633.130.000
<b>Cộng</b>	<b>1.634.740.000</b>	<b>1.633.130.000</b>

### 24.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Cổ phiếu	2.692.090.000	2.691.800.000
Trái phiếu	80.000.600.000	600.000
<b>Cộng</b>	<b>82.692.690.000</b>	<b>2.692.400.000</b>

### 24.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.657.433.020.000	1.356.973.710.000
Tài sản TC giao dịch hạn chế chuyển nhượng	15.899.510.000	4.155.170.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.922.945.710.000	1.859.514.440.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	35.970.000	35.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	55.663.660.000	24.253.760.000
<b>Cộng</b>	<b>3.651.977.870.000</b>	<b>3.244.933.050.000</b>

### 24.5. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.268.810.000	22.269.370.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.100.000.000	7.100.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	-	19.008.390.000
<b>Cộng</b>	<b>18.368.810.000</b>	<b>48.377.760.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24.6. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	134.953.102.322	71.047.684.960
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	120.640.489.300	41.398.951.700
<b>Cộng</b>	<b><u>255.593.591.622</u></b>	<b><u>112.446.636.660</u></b>

**24.7. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>		
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	253.442.839.818	110.836.433.278
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	2.150.751.804	1.560.203.382
<b>Cộng</b>	<b><u>255.593.591.622</u></b>	<b><u>112.446.636.660</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - CTCK

**25. LÃI BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL**

	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch		Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
				VND	VND		
<b>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</b>			<b>2.631.871.273.763</b>	<b>2.630.112.773.763</b>	<b>1.758.500.000</b>	<b>2.858.784.330</b>	<b>9.137.099</b>
1. Cổ phiếu niêm yết			-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu chưa niêm yết			-	-	-	-	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết			<b>2.631.871.273.763</b>	<b>2.630.112.773.763</b>	<b>1.758.500.000</b>	<b>259.500.000</b>	<b>2.590.147.231</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	5.000.000	102.270	511.347.520.238	510.818.020.238	529.500.000	164.500.000	
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị ĐAKLAK	679	1.016.656.170	690.309.539.222	689.999.539.222	310.000.000		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị ĐAKLAK	5.428.000	101.566	551.297.880.676	550.913.430.676	384.450.000		
- Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Bình Định	2.000.000	101.042	202.084.684.471	201.884.684.471	200.000.000		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim	4.000.000	101.715	406.860.580.566	406.660.580.566	200.000.000	67.500.000	
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Trường Thịnh	2.500.000	107.988	269.971.068.590	269.836.518.590	134.550.000		
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	-	-	-	-	-	-	27.500.000
<b>Cộng</b>			<b>2.631.871.273.763</b>	<b>2.630.112.773.763</b>	<b>1.758.500.000</b>	<b>2.858.784.330</b>	

**26. CHÉNH LỆCH GIÁM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL**

Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL	31/12/2021	Chênh lệch đánh giá lại năm nay		Chênh lệch đánh giá lại năm trước		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay
		Giá trị thường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch điều chỉnh VND	
<b>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</b>						
Loại FVTPL						
Cổ phiếu niêm yết	90.788.873.630	91.252.994.578	3.226.136	1.706.685.137	(1.703.459.001)	
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.405.612.902	4.869.733.850	3.226.136	1.706.685.137	(1.703.459.001)	
Trái phiếu	4.621.160.728	4.621.160.728	-	-	-	
	81.762.100.000	81.762.100.000	-	-	-	
Loại các khoản cho vay và phải thu	240.030.954.679	236.958.896.627	3.072.058.052	19.070.496.096	(15.998.438.044)	
<b>Cộng</b>	<b>330.819.828.309</b>	<b>328.211.891.205</b>	<b>3.075.284.188</b>	<b>20.777.181.233</b>	<b>(17.701.897.045)</b>	





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27.449.151.855	7.103.136.140
- Chi phí tiền lương	1.915.608.924	1.992.393.526
- Các khoản trích theo lương	234.161.953	207.775.978
- Phí hoa hồng, môi giới	16.950.207.933	2.909.568.188
- Phí giao dịch chứng khoán môi giới	7.345.925.267	1.320.562.376
- Chi phí khác	1.003.247.778	672.836.072
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.379.174.828	1.219.666.825
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	8.203.998.354	1.403.531.475
Chi phí các dịch vụ khác	2.599.886.036	1.819.727.854
<b>Cộng</b>	<b>39.632.211.073</b>	<b>11.546.062.294</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	6.593.951.010	4.844.523.695
Chi phí vật tư văn phòng	542.421.045	476.630.546
Chi phí công cụ, dụng cụ	34.687.684	30.825.466
Chi phí khấu hao TSCĐ	323.353.010	237.701.885
Thuế, phí và lệ phí	778.158.549	844.339.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.045.287.425	337.881.990
Chi phí khác	4.305.975.470	3.853.428.537
	680.084.780	709.891.975
<b>Cộng</b>	<b>14.303.918.973</b>	<b>11.335.223.116</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.496.102.092	10.328.011.633
Các khoản điều chỉnh:	(3.200.391.052)	308.610.699
Trừ:	(4.593.435.262)	(247.259.700)
- Thu nhập từ cổ tức	(176.727.825)	(177.471.520)
- Chênh lệch đã tính thuế các năm trước	(4.297.070.557)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu kỳ này	(119.636.880)	(69.788.180)
Cộng:	1.393.044.210	555.870.399
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	979.300.000	471.127.609
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu kỳ này	413.744.210	84.742.790
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.295.711.040</b>	<b>10.636.622.332</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.459.142.208</b>	<b>2.127.324.466</b>
Giảm thuế TNDN	-	638.197.340
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	1.680.594.744
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.459.142.208</b>	<b>3.169.721.870</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.036.959.884	7.158.289.763
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.036.959.884	7.158.289.763
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.642.133	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.419</b>	<b>477</b>

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2021, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên.

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	Công ty mẹ
Ông Cao Quế Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty còn có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

**Số dư với các bên liên quan**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Dương Kỳ Hiệp	1.762.040.000	1.120.000.000
Ông Vũ Hoàng Minh	1.986.000.000	2.357.040.000
Ông Cao Quế Lâm	-	7.000.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt</b>		
Doanh thu từ Hợp đồng tìm kiếm trái phiếu	989.589.041	-
Doanh thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư	-	4.365.479.453
Phí lưu ký, phong tỏa tài khoản, quản lý	14.727.273	49.272.728
Hoa hồng môi giới	1.090.909.091	-
Góp vốn trong năm	125.465.530.000	-
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</b>	<b>3.147.420.000</b>	<b>2.927.700.000</b>
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
<b>Thù lao của Ban kiểm soát</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH COVID 19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Dịch viêm đường hô hấp Covid -19 bắt đầu từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán - Trung Quốc, xuất hiện đầu năm 2020 đến nay vẫn chưa được khống chế đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả hoạt động của xã hội. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi biến động của thị trường chứng khoán, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp trong thời gian tới. Không có bất kỳ điều chỉnh nào đến số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp